

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2018
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2/. Ông Ngô Văn Lành

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2018/TLST-HN ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

2/. Bị đơn: **Anh Phan Văn T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp HM, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân do quen biết trước, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay vợ chồng anh chị chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi, dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là trong thời gian chung sống anh T không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, thậm chí nhiều lần ghen tuông vô cớ. Hiện tại thì vợ chồng anh đã ly thân với nhau cách nay đã hơn 02 năm (khoảng năm 2016) đến nay và chị không còn tình cảm với anh T. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với chồng chị là anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị N xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị chưa có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị N xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh T, chị xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng là đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với bị đơn là chấp hành chưa Nêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

Về con chung: chị N và anh T không có con chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N và anh T không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án: chị N và anh T chung sống với nhau vào khoảng năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị N và anh T là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị N và anh T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N xin ly hôn với anh T thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị N và anh T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: chị N và anh T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị N và anh Phan Văn T là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011048 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Huỳnh Thị N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Phan Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng